TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 53/2019/ HNGĐ-ST
Ngày : 05- 7- 2019
Về việc: "tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà NGUYỄN THU THỦY

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông NGUYỄN TẤN TÀI

2. Bà HUỲNH THỊ CHI

Thư ký phiên tòa: Bà ĐOÀN THỊ KIM YẾN - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L tham gia phiên toà:(không tham gia).

Ngày 05 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2019/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2019, về việc "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 532/2019/QĐXX-ST.HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Nnguyễn Thị Kiều N, sinh năm 1992 (vắng mặt)*

Cư trú tại nhà số 59/10 đường Mậu T, Khóm 3, Phường 3, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

2. Bị đơn: *Trần Hồng K, sinh năm 1988 (vắng mặt)*

Cư trú tại nhà số 30/11 Khóm 1, Phường 3, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/4/2019, bà Nnguyễn Thị Kiều N yêu cầu giải quyết về ly hôn, con chung, không yêu cầu Tòa án giải giải quyết về tài sản và nợ tài sản.

Bà N và ông K quen biết và tìm hiểu rồi chính thức tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3 thành phố Vĩnh L vào ngày 10/6/2011. Hôn nhân hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung cùng xây dựng kinh tế gia đình, không còn quan tâm nhau nên đã ly thân 04 năm. Bà N cảm nhận không còn tình cảm, không thể đoàn tựu, yêu cầu được ly hôn với ông K.

Bà N và ông K có 02 con chung, Trần Nhã Y sinh ngày 31/8/2011 và Trần Tuấn K sinh ngày 05/8/2013. Hiện Bà N đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Y và ông K trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi cháu Y và ông K nuôi cháu K, không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Đối với cháu Y

có lời khai ngày 06/6/2019 mong muốn được bà N chăm sóc nuôi dưỡng. Đối với tài sản chung các bên tự thỏa thuận và không có nợ tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông K đã được tống đạt các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 09/01/2019 và ngày 29/01/2019, nhận vào các ngày 21/5/2019 và ngày 07/6/2019 nhưng vắng mặt, không lý do. Tòa án đã tống đạt thông báo kết quả công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27/6/2019.

Ngày12/6/2019 ông K có bản khai rằng: Đồng ý ly hôn với bà N, con chung là Trần Nhã Y sinh ngày 31/8/2011 và Trần Tuấn K sinh ngày 05/8/2013. Đồng ý bà N tiếp tục nuôi cháu Y, ông K tiếp tục nuôi cháu K, không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Tự thỏa thuận tài sản chung, không có nợ tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Bà N vắng mặt theo đơn đề nghị ngày 17/6/2019 và và ông K vắng mặt theo đơn đề nghị ngày 12/6/2019, không có xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật được xác định là ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại địa phận thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

- Bà N và ông K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa sơ thẩm theo luật định.

[2]. Về nội dung: Bà N và ông K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của ông K, bà N là đã tuân thủ điều kiện kết hôn, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ ngày đăng ký kết hôn 10/6/2011.

Xét nguyên nhân ly hôn là do bất đồng quan điểm, mâu thuẩn kéo dài dẫn đến ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Như vậy, cho thấy các bên đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên giữa bà N và ông K đã thống nhất ly hôn. Theo qui định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, các bên ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

-Về con chung: Bà N trực tiếp nuôi cháu Y và ông K trực tiếp nuôi cháu K từ khi ly thân cho đến nay, các bên có nghề nghiệp thu nhập kinh tế ổn định nên các bên nhận tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lí và phù hợp với nguyện vọng của con chung, các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Bà N và ông K được quyền tới thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản là không trái với luật quy định tại Điều 110, Điều 116, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, yêu cầu của các đương sự được chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ tài sản: Bà N, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Nguyên đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Vì vậy, bà N phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số N^0 0004507 ngày 25/4/2019 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L; Bà N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Bà N và ông K không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 110, Điều 116, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nnguyễn Thị Kiều N.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều N được ly hôn với ông Trần Hồng K.

2. Về con chung: Bà N được tiếp tục nuôi dưỡng Trần Nhã Y, sinh ngày 31/8/201. Ông K được tiếp tục nuôi dưỡng Trần Tuấn K, sinh ngày 05/8/2013.

- Bà N và ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Bà N và ông K được quyền tới thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

- Bà N phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp, theo biên lai số N^0 0004507 ngày 25/4/2019 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L; Bà N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Bà N và ông K không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

NGUYỄN THU THỦY

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã, phường
- Lưu hồ sơ tại Tòa án